

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2017/HSPT
Ngày 18 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Lê Thường Vụ

Ông Hồ Minh Tấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:

Ông Bùi Vũ Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Hồng Kông - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 101/2017/HSPT ngày 01/6/2017 đối với bị cáo Phan C H cùng đồng bọn, do có kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị cáo Phan C H và kháng cáo của bị cáo Trần B H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 72/2017/HSST ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Phan C H**, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2001; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp T T, xã P T, huyện P T, tỉnh Cà Mau; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Phan V P và bà Trinh H A; Vợ: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ ngày 08/5/2017; Tạm giam ngày 11/5/2017 đến nay (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo H: Ông PhA V P, sinh năm 1971 và bà Trinh H A, sinh năm 1982 (Là cha, mẹ bị cáo H); Cùng địa chỉ: Ấp T T, xã P T, huyện P T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo H: Luật sư Nguyễn V N, là Luật sư của Công ty luật TNHH Luật Sống, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

2. Họ và tên: **Trần B H**, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2001; Tên gọi khác: K; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 83, Khóm 3, Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Q D và bà Trần B N (Cha, mẹ nuôi); Vợ: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam: Ngày 13/3/2017 đến nay (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo H: Ông Trần Q D, sinh năm 1954 và bà Trần B N, sinh năm 1957 (là cha, mẹ nuôi của bị cáo H); Cùng địa chỉ: Ấp K H, xã Q P, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

Người giám hộ cho bị cáo H: Bà Trần T M P, sinh năm 1962 (là bà nội bị cáo H); Địa chỉ: Số 83, Khóm 3, Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo H: Luật sư Quách N L, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê A T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Bị cáo không kháng cáo:

Họ và tên: Lưu V A, sinh năm 1995; Tên gọi khác: M T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 71/5, Khóm 3, Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

Người bị hại:

- Ah Hồ T T, sinh năm 2000; Địa chỉ: Hẻm 50, H V, Khóm 6, Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật cho Ah T: Ông Hồ T T, sinh năm 1972 và bà Lê H Y, sinh năm 1974 (Là cha, mẹ Ah T); Cùng địa chỉ: Hẻm 50, H V, Khóm 6, Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt)

- Chị Lý B N, sinh năm 1998; Địa chỉ: Khóm 3, Phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt)

Người có quyền L nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lưu N D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 71/5, Khóm 3, Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt)

- Lưu Đ L, sinh năm 2000; Địa chỉ: Số 71/5, Khóm 3, Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Ah L: Chị Lưu N D (Là chị ruột của L) (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo Cáo trạng và nội dung án sơ thẩm nêu hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 04 tháng 9 năm 2016, trong lúc nH tại nhà của Lưu V A ở Khóm 3, Phường 7, thành phố Cà M, PhA C H rủ A và Trần B H đi qua công viên H V thuộc Khóm 1, Phường 5, thành phố Cà M để chiếm đoạt tài sản của đôi nam nữ đAg ở công viên mà H thấy lúc mua đồ nH. A và H đồng ý. H lấy cây dao dài 20 cm, cán màu xanh, lưỡi dao bằng kim loại, sắc bén trên vách trong nhà của A để vào túi quần làm hung khí đi cướp tài sản.

Sau đó, H, H và A cùng đi đến công viên H V. Khi đi đến cây cầu bắc qua hồ cá trong công viên thì thấy Hồ T T và Lý B N đAg nói chuyện trên cầu. Lúc này H, A và H đi qua, đi lại 03 lần để thăm dò T và N. T và N thấy vậy nên sợ bỏ đi thì H đi đến hỏi T “Có phải tên T không?”. T trả lời “không phải”, H nói “Hôm mày đánh em tao phải không?” T trả lời “Nhằm người rồi” và cùng N bỏ đi. A, H và H chạy theo dùng tay, chân đánh nhiều cái vào người T, T té xuống đất trúng vào N làm N té theo xuống đất. A lấy khúc cây tre, H lấy khúc cây trầm có sẵn trong công viên đánh nhiều cái vào người T, còn H lấy cây dao chuẩn bị sẵn trong người kề vào cổ T không chế, tay còn lại chụp đầu N đè xuống đất, kêu T và N lấy điện thoại đưa cho H. T và N không dám kháng cự nên T lấy điện thoại di động hiệu Iphone 4, N lấy điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J200 đưa cho H. H lấy điện thoại

Iphone 4 bỏ vào túi quần, đưa điện thoại Samsung cho H rồi cả nhóm bỏ chạy về nhà A.

Sau khi cướp được tài sản, H lấy điện thoại Samsung đưa cho A, A đưa cho vợ là Hồ B X cất giữ. Còn điện thoại Iphone 4, H và H đã bán cho người thAh niên đi đường với giá 400.000 đồng; H đưa H 200.000 đồng để mua đồ nH; còn lại 200.000 đồng, H tiêu xài hết.

Ngày 05/9/2016, Cơ quA điều tra Công A thành phố Cà Mau tiến hành kiểm tra dấu vết trên thân thể Ah T như sau:

- + 01 vết trầy xước da trên hốc mắt trái, kích thước 1,5cm x 0,3cm;
- + 01 vết trầy xước da ngay sụm giáp cổ kích thước 2cm x 0,1cm;
- + 01 vết trầy xước da mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái, kích thước 2cm x 0,2cm;
- + 01 vết trầy xước da vùng lưng dưới bả vai phải, kích thước 3cm x 0,2cm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 121/KL – HĐĐG, ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cà Mau xác định: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J200 gold giá trị 2.691.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4 giá trị 840.000đồng. Tổng cộng bằng 3.531.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 72/2017/HSST ngày 25 - 4 - 2017 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo PhA C H, Lưu V A, Trần B H phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm g, p khoản 1 Điều 46 và các Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự; Căn cứ Điều 187 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo PhA C H 03 (ba) năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm g, p khoản 1 Điều 46 và các Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần B H 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/3/2017.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, g, p khoản 1 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lưu V A 05 (năm) năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 19/4/2017, được trừ đi thời hạn đã bị tạm giam từ ngày 08 tháng 9 năm 2016 đến ngày 13 tháng 12 năm 2016.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo pháp luật quy định.

Ngày 08 tháng 5 năm 2017, bị cáo Trần B H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10 tháng 5 năm 2017, ông PhA V P là người đại diện hợp pháp của bị cáo H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Tại phiên toà, bị cáo H và ông P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần B H và ông

PhA ThAh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo PhA C H, Trần B H.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: Thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu, thiệt hại không lớn, khi phạm tội bị cáo chưa thành niên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đầu thú, nên sửa án sơ thẩm giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ ngoài những tình tiết án sơ thẩm đã xem xét như: Hoàn cảnh gia đình bị cáo để áp dụng khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, chấp nhận cho bị cáo khắc phục nộp 200.000 đồng trả lại cho bị hại, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 04 tháng 9 năm 2016, PhA C H rủ Lưu V A, Trần B H đến Công viên H V thuộc khóm 1, phường 5, thành phố Cà M để cướp tài sản của Ah Hồ T T và chị Lý B N. Các bị cáo H, A và H đã dùng cây và tay chân tấn công Ah T và chị N, sau đó dùng dao không chế Ah T để cướp của Ah T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4 và của chị N 01 điện thoại di động hiệu Samsung J200. Tổng giá trị tài sản theo định giá bằng 3.531.000 đồng. Với hành vi nêu trên, án sơ thẩm xét xử các bị cáo PhA C H, Lưu V A, Trần B H phạm tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Xét kháng cáo của ông P (đại diện hợp pháp theo pháp luật của bị cáo H) và kháng cáo của bị cáo H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo thực hiện hành vi rất táo bạo để chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến tình hình A ninh trật tự địa phương, nhất là những nơi mà người dân tập trung đến để vui chơi, giải trí. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để cải tạo các bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với bị cáo H, ngoài vai trò là người đề xuất, rủ rê, bị cáo còn chuẩn bị dao (hung khí) và trực tiếp cùng với các bị cáo H, A tấn công Ah T và chị N để chiếm đoạt tài sản. Án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi phạm tội các bị cáo là người chưa thành niên (chưa đủ 16 tuổi), nhân thân chưa có tiền án, tiền sự và áp dụng các quy định Bộ luật hình sự về xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội, xử phạt bị cáo PhA C H 03 năm 06 tháng tù, xử phạt bị cáo Trần B H 03 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P và các bị cáo H, H không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới ngoài những tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét. Đối với các tình tiết Luật sư bào chữa cho bị cáo H đặt ra thấy rằng: Đối với tình tiết “Phạm tội lần đầu”, theo quy định pháp luật phải là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” nên tình tiết này không được chấp nhận; đối với tình tiết “Đầu thú”, trong giai đoạn giải quyết vụ án sơ thẩm, bị cáo bỏ trốn và bị truy nã, sau khi cấp sơ thẩm xét xử tuyên mức hình phạt đối với bị cáo thì bị cáo mới đầu thú; cấp phúc thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 của Bộ

luật hình sự cho bị cáo, nhưng với tình tiết này chưa đảm bảo căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; còn lại các tình tiết khác án sơ thẩm đã xem xét. Đối với các tình tiết Luật sư bào chữa cho bị cáo H đặt ra không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 46 của Bộ luật hình sự nên không được chấp nhận. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông PhA V P và bị cáo Trần B H.

Tuy nhiên, án sơ thẩm xử phạt bị cáo H 03 năm tù nhưng không áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự là chưa đầy đủ, nên cấp phúc thẩm áp dụng thêm Điều 47 trong quyết định hình phạt đối với bị cáo H. Đối với số tiền 400.000 đồng do các bị cáo bán điện thoại chiếm đoạt được của Ah T; bị cáo H được chia 200.000 đồng, bị cáo H được chia 100.000 đồng và cho L 100.000 đồng; trong quá trình điều tra bị cáo A đã bồi thường xong cho Ah T. Án sơ thẩm buộc bị cáo H, bị cáo H và L nộp lại số tiền nêu trên để tịch thu sung quỹ Nhà nước là chưa phù hợp, nhưng xét thấy bị cáo H, bị cáo H, L và đại diện hợp pháp của H, H, L không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên không cần thiết phải sửa án sơ thẩm về phần này.

Về án phí: Do kháng cáo của ông P và bị cáo H không được chấp nhận nên ông P và bị cáo H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của ông PhA V P (là người đại diện hợp pháp cho bị cáo PhA C H) và kháng cáo của bị cáo Trần B H.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 72/2017/HSST ngày 25/4/2017 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau về hình phạt đối với các bị cáo PhA C H, Trần B H.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **PhA C H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2017.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần B H 03 (Ba) năm tù** về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/3/2017.

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự phúc thẩm ông PhA V P phải chịu 200.000 đồng, bị cáo Trần B H phải chịu 200.000 đồng.

Các nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công An tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Trại tạm giam – Công An tỉnh Cà Mau;
- Công An thành phố Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT(TM:TADTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập